

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2024/DS-ST

Ngày: 22/4/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng

tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Diệu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Hiếu
- Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 1044/2023/TLST-DS, ngày 26/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2269/2024/QĐXXST-DS, ngày 01/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 3654/2024/QĐST-DS, ngày 26/3/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Mua bán nợ Q.

Địa chỉ: Tầng 2 số xx đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hồ Thanh P, sinh năm 2000 - Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 601/2023/POA ngày 22/12/2023).

Địa chỉ: 1xx/6, Tổ 2x, KP5, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc P1, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 4x đường L1, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Công ty TNHH Mua bán nợ Q có bà Hồ Thanh P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 24/01/2013, bà Bùi Thị Ngọc P1 (Sau đây gọi tắt là bị đơn) và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2 (Nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một

thành viên S) có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx, nội dung cụ thể như sau:

Số tiền vay: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng;

Mục đích vay: Vay tiêu dùng;

Ngày rút vốn: 24/01/2013;

Thời hạn vay: 36 (Ba mươi sáu) tháng;

Lãi suất: 3,21%/tháng;

Lãi phạt: 150% lãi suất;

Nợ gốc và nợ lãi được trả thành 36 (Ba mươi sáu) kỳ;

Phương thức vay: Tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

Tới ngày 05/8/2015, bị đơn đã thanh toán được số tiền: 31.397.600 (Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng nợ gốc và 27.904.150 (Hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm mươi) đồng nợ lãi. Tổng số tiền đã thanh toán là: 59.301.750 (Năm mươi chín triệu ba trăm lẻ một nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S và Công ty TNHH Mua bán nợ Q (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) đã ký Hợp đồng mua bán nợ Số/No.: 395-09xx/COLLECTION-SVFC. Theo đó, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S đã chuyển nhượng cho nguyên đơn nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng trong đó có Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013 của bị đơn. Sau khi mua bán nợ, nguyên đơn có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện thanh toán nợ cho bị đơn, nguyên đơn giảm một phần lãi suất từ ngày 01/02/2024 đến ngày 22/4/2024.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn:

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn (Tạm tính đến ngày 22/4/2024) là: 48.209.870 (Bốn mươi tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi) đồng, trong đó:

Nợ gốc là 8.602.400 (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm) đồng;

Nợ lãi trong hạn là 1.380.685 (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng;

Lãi phạt chậm thanh toán là 38.226.785 (Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 23/4/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/02/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thực tế, căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Công ty TNHH Mua bán nợ Q khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc P1 trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013. Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - Bà Bùi Thị Ngọc P1 có địa chỉ cư trú tại Quận 1 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/02/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Xét, bà Bùi Thị Ngọc P1 và Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2 (Nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S) có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013. Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2 đã giải ngân số tiền: 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng cho bị đơn. Sau khi được cấp tín dụng, bị đơn mới thực hiện được việc thanh toán một phần khoản nợ cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2 số tiền: 31.397.600 (Ba mươi một triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm) đồng nợ gốc và 27.904.150 (Hai mươi bảy triệu chín trăm lẻ bốn nghìn một trăm năm mươi) đồng nợ lãi. Tổng số tiền đã thanh toán là: 59.301.750 (Năm mươi chín triệu ba trăm lẻ một nghìn bảy trăm năm mươi) đồng. Từ ngày 06/8/2015 cho đến nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2 theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến phát sinh nợ quá hạn, gây thiệt hại cho Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P2.

Ngày 09/9/2022, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S và Công ty TNHH Mua bán nợ Q (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) đã ký Hợp đồng mua bán nợ Số/No.: 395-09xx/COLLECTION-SVFC. Theo đó, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S đã chuyển nhượng cho nguyên đơn nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng trong đó có Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013 của bị đơn. Sau khi mua bán nợ, nguyên đơn có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật

Xét việc bị đơn đã nhận giải ngân số tiền như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng tín dụng nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S đã giải ngân cho bị đơn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013. Bị đơn đã sử dụng số tiền giải ngân nhưng mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán lại một phần khoản tiền nợ cho nguyên đơn, khoản tiền nợ còn lại bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn đã sử dụng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013 là có cơ sở chấp nhận.

Theo bản khai đề ngày 22/4/2024, nguyên đơn tự nguyện giảm một phần lãi suất cho bị đơn (Không tính lãi suất từ ngày 01/02/2024 đến ngày 22/4/2024). Xét, việc giảm một phần lãi suất của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

2.3. Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn đã nhận giải ngân và nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 8/2015 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn

còn thiếu nguyên đơn (Tạm tính đến ngày 22/4/2024) là: 48.209.870 (Bốn mươi tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi) đồng, trong đó:

Nợ gốc là 8.602.400 (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm) đồng;

Nợ lãi trong hạn là 1.380.685 (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng;

Lãi phạt chậm thanh toán là 38.226.785 (Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 23/4/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2022;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Mua bán nợ Q:

Buộc bị đơn bà Bùi Thị Ngọc P1 phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn (Tạm tính đến ngày 22/4/2024) là: 48.209.870 (Bốn mươi tám triệu hai trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi) đồng, trong đó:

Nợ gốc là: 8.602.400 (Tám triệu sáu trăm lẻ hai nghìn bốn trăm) đồng;

Nợ lãi trong hạn là: 1.380.685 (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm) đồng;

Lãi phạt chậm thanh toán là: 38.226.785 (Ba mươi tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 23/4/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số: 10468xxx ngày 24/01/2013.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Ngọc P1 phải chịu án phí là: 2.410.494 (Hai triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm chín mươi bốn) đồng.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.095.000 (Một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0019445 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Diệu Linh

